

VƯƠNG QUỐC CỔ CỦA NGƯỜI PYU: QUA DẤU TÍCH CỦA NHỮNG TÒA THÀNH

NGÔ VĂN DOANH*

Do điều kiện địa lý thuận lợi, nên, văn hóa của Ấn Độ đã xâm nhập vào khu vực lục địa phía tây của Đông Nam Á (nay gồm Mianma và Thái Lan) từ rất sớm, nhiều khả năng còn sớm hơn so với khu vực hải đảo và phía đông lục địa Đông Nam Á. Không phải ngẫu nhiên mà ở Mianma, cho đến nay, còn lưu truyền nhiều truyền thuyết kể về những mối quan hệ giữa đất nước này với Ấn Độ từ thời xa xưa. Một trong những truyền thuyết phổ biến nhất đó kể rằng, vào năm 585 trước CN., có hai anh em người Okkal (một thành phố nằm ở khu vực Rangun hiện nay), đã đem về 8 sợi tóc vàng mà đích thân Đức Phật Gautama ban cho và đã cho xây ngôi tháp vàng Shvedagon để cất giữ những báu vật trên. Trong hàng loạt những truyền thuyết, vùng Hạ Miến thường được gọi là vùng “đất vàng” (Suvannabhumi). Một trong những truyền thuyết về “đất vàng” có kể về hai nhà sư Phật giáo tên là Sona và Uttara, vào năm 241 trước CN., đã được chính vua Asoka, người chủ trì lần kiến tập Phật giáo thứ ba, phái đến “Đất vàng”. Thế nhưng, cũng do vị trí địa lý cách trở, nên, người Trung Quốc đã đến và biệt đến

vùng “đất vàng” muộn hơn và ít hơn so với các vùng đất phía đông của Đông Nam Á. Do vậy, cho đến nay, chúng ta hầu như không biết gì về các quốc gia cổ ở Mianma vào những thế kỷ đầu sau công nguyên.

Có lẽ, chỉ từ thế kỷ III sau CN., qua Vân Nam và bằng đường bộ, người Trung Quốc đã có những tiếp xúc với vương quốc P'iao ở khu vực thuộc lưu vực sông Irawadi. Theo các nhà khoa học, người P'iao (phiên âm sang tiếng Trung Quốc là Pyu (Phiếu), còn họ tự gọi mình là Tirschul) là những bộ lạc thuộc nhóm các tộc người Tạng- Miến, đã đến chiếm cứ vùng đất chung quanh Prome bây giờ. Thế nhưng, chỉ đến thời nhà Đường, các tư liệu Trung Quốc mới có những ghi chép khá cụ thể về một vương quốc của người Pyu.

Hai nhà sư Trung Quốc là Huyền Trang và Nghĩa Tịnh cho biết rằng, phía tây của nước Dvaravati là đất của vương quốc Che-li-tcha-ta-lo, tức là Srikshetra (tiếng Miến là Thayekhettaya), tên xưa kia của Prome. Còn Đường thư thì lại có những mô tả về đời sống của cung đình và dân chúng Srikshetra: “Họ lấy gạch xây thành hình tròn chu vi 100 dặm, mở 12 cửa, bốn phía có tháp. Dân trong thành có

* PGS.TS Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

tới hàng vạn gia đình. Hơn 100 chùa đẹp, dát vàng và sơn nhiều màu đã được xây cất... Trai gái đến 7 tuổi thì cạo đầu đi tu cho đến 20 tuổi mới được vào đời. Tất cả mọi người đều mặc một kiểu áo dài trắng thắt dây lưng hồng. Tính khí họ hòa dịu, không có gông cùm. Người có tội thì buộc 5 thanh tre lại, đánh sau lưng, nhẹ thì đánh 3, nặng thì đánh 5 gậy; giết người thì bị xử tử... Họ có đồng tiền bạc hình bán nguyệt, buôn bán với các nước láng giềng, mua vào các thứ cần dùng, bán ra vải bông trắng và các bình vò bằng đất nung”⁽¹⁾.

Ngoài một số tư liệu ít ỏi của sử sách Trung Quốc ra, theo các nhà nghiên cứu, thì chỉ những dấu tích và hiện vật được các nhà khảo cổ học phát hiện mới ít nhiều cho chúng ta biết ít nhiều về nhà nước Pyu cổ ở Myanmar. Và, thật bất ngờ và lý thú, cho đến nay, các nhà khảo cổ đã phát hiện được dấu tích của ba đô thị cổ có thể đã là những thủ đô kế tiếp nhau của nhà nước Pyu: Beikthano, Halin và Srikshetra. Cả ba đô thị cổ này đều nằm ở đồng bằng trung lưu của sông Irawadi. Rồi thì, cả ba khu di tích đô thị lớn này đều được gắn với những câu chuyện truyền thuyết được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác về những vị vua và những vương triều huyền thoại mà phần lớn đều được lịch sử hóa về sau này. Ví dụ, các truyền thuyết đều kể rằng, thành Beikthano là do nàng công chúa có tên là Panhtwar của vương triều huyền thoại Tagaung ở vùng Thượng Mianma lập ra từ cách đây hơn 2.400 năm. Còn việc thành phố bị tàn phá lại được các truyền thuyết gắn với vị vua hùng mạnh Duttabaung của Srikshetra, người mà, sau khi chiếm được Beikthano, đã khuất phục, bắt giữ và cuối cùng lấy nàng công

chúa làm vợ. Hiện nay, những nghiên cứu lịch sử đã chứng minh rằng những nhân vật trong các truyền thuyết đều là những nhân vật không có thực. Thế nhưng, các dấu tích, các hiện vật đã được phát hiện và tìm thấy ở các đô thị cổ này đã phần nào cho thấy những truyền thuyết dân gian đã được hình thành từ những hạt nhân sự kiện có thật. Do vậy, như các nhà nghiên cứu đã chỉ ra, lịch sử của nhà nước của người Pyu chỉ có thể dựng lên từ những phát hiện ở những di tích cổ xưa. Và, một trong những di tích quan trọng của nhà nước Pyu được nghiên cứu và khai quật đầu tiên là thành cổ Beikthano (Thành phố Visnu).

Các phế tích của Beikthano nằm ở huyện Magwe, cách Taungdwingyi 12 dặm về phía tây, giữa khu đất phù sa bồi tụ chung của năm nhánh sông trước khi cùng hợp dòng đổ vào sông lớn Irawadi. Chính điều kiện tự nhiên này đã cho phép người Pyu xây dựng lên ở đây một trong những trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Do đã bị bỏ từ rất lâu, nên người qua đường thường không nhận ra được các dấu tích cổ, chỉ những người già ở địa phương là còn hình dung ra những bức tường thành trước khi chúng bị người ta phá đi để lấy gạch làm đường sá, cầu cống... Chính những người dân địa phương đã chỉ cho các nhà khảo cổ các dấu tích của đô thị xưa, những vết tích của các kiến trúc tôn giáo, những ngôi mộ cổ. Sau những lần khai quật và nghiên cứu vào năm 1905 và đặc biệt là vào năm 1959, các nhà khảo cổ đã có thể phác dựng được bình đồ và những đặc trưng của thành Beikthano xưa. Dù chỉ hạn chế trong 25 hố đào được lựa chọn và được triển khai trong có sáu mùa khai quật, nhưng kết quả của

những cuộc khai quật trên đã cho thấy tính chất văn hóa của người Pyu rất rõ. Những cấu trúc xây nề với những bức tường vững chãi được xây bằng những viên gạch lớn (50 x 26,5 x 8,75 cm) hay thường được gọi là gạch "Asoka" (vì trùng với kích thước gạch Ấn Độ thời Asoka); những đồng tiền bằng bạc không văn tự mang những hình biểu tượng cho thịnh vượng và may mắn; những chiếc bình đựng di cốt trơn hay có những họa tiết thanh tú; những hạt bằng đất nung hay đá quý; những đồ gốm gia dụng có trang trí; những chiếc đỉnh sắt... trong số những di tích và di vật được phát hiện đã cho thấy những mối quan hệ văn hóa đầy thuyết phục giữa thành Beikthano này với tòa thành cũng của người Pyu khác: thành Srikshetra. Ngoài ra, sự thiếu vắng nghiêm trọng của các tượng và các thánh tích Phật giáo cũng như các bia ký đã góp phần khẳng định văn hóa Beikthano thuộc thời kỳ sớm trong niên biểu của nhà nước Pyu.

Trên cơ sở những nghiên cứu thực địa và những cuộc khai quật, các nhà khoa học đã phác họa ra được cấu trúc và các thành phần kiến trúc của thành Bekthano. Gần giống như các mô tả của các sử liệu Trung Quốc, thành Peikthano không vuông vức và đăng đối: tường thành ngoài bao quanh có bình đồ ít nhiều giống hình thoi với mỗi chiều dài chừng 2 dặm (mỗi dặm = 1.609 m). Tường thành phía tây hầu như hoàn toàn bị xói mòn hết; còn lại ba tường thành ở ba hướng kia thì bị đổ nát và hư hại nhiều (tường thành đông dài 3,06 km, tường thành nam- 2,7 km, tường thành bắc- 2,88 km.). Các bức tường thành được xây khá dày (trung bình là 2,40m). Toàn bộ khu vực thành

Beikthano (rộng gần 9 km vuông) nằm hơi nghiêng từ đông bắc xuống tây nam. Do vậy bức tường thành phía đông nằm ở vị trí cao nhất. Mặt bên trong của các bức tường thành bắc và nam còn hiện rõ các cổng ra vào. Sự khác thường của những chiếc cổng thành này là các bức tường của pháo đài cong dần vào phía trong tạo thành lối đi rộng từ 3 m đến 5 m và kéo dài vào bên trong với chiều dài từ 25 đến 80 mét. Còn chiều dày của bức tường cổng thì dày tới 5 mét. Có thể bên trên của các cổng thành được che bởi một mái vòm hay một cấu trúc gỗ kiểu lầu các. Những dấu tích than của chiếc cửa gỗ ở mỗi lối đi đã được phát hiện cùng với các bản lề bằng sắt đã rỉ mà cánh cửa móc vào cho thấy các cổng thành được đóng và mở bằng những cánh cửa gỗ.

Bên trong các tường thành ngoài, có một lối hàng rào bằng gạch hình chữ nhật được biết đến như khu vực hoàng cung. Khi đào ở chính giữa mặt tường phía đông của khu hoàng thành, đã phát hiện được cổng mở vào khu vực hoàng thành bên trong. Khác với các cổng ra vào ở các tường thành phía bắc, cổng ra vào này có bình đồ hình vuông. Hốc tường làm cốt canh được bố trí ở mỗi cánh cổng giống như ở các cổng ra vào của các tường thành ngoài. Bên cạnh lối ra vào này, đã phát hiện hai khối đá cát lớn, mà mỗi khối đá đó đều có mang hình phù điêu nổi thể hiện hai chân người. Rất tiếc là phần trên của hình điêu khắc, có thể là thể hiện vị thần canh cổng, đã bị mất. Hai hình phù điêu đá lớn này chứng tỏ đây là lối đi vào khu nội thành gồm các công trình bằng gạch bên trong đó. Khu vực hoàng thành

của Beikthano có bình đồ gần như hình chữ nhật với diện tích 225.000 mét vuông (500 x 450 m), còn bức tường bao quanh thì dày 2,17 mét và được xây bằng gạch lớn như gạch xây các bức tường thành ngoài. Khu hoàng thành được chia thành hai khu bởi một bức tường ngăn. Hoàng cung là một nhóm các công trình kiến trúc chiếm một khu vực có diện tích rộng 37.500 mét vuông (250 x 150 m). Ngoài ra, trong khu vực thành, còn phát hiện ra những kiến trúc mộ táng và những phế tích của các công trình tôn giáo, có thể là các tháp Phật.

Kiến trúc quan trọng nhất của Beikthano được các nhà khảo cổ học phát hiện và khai quật là công trình xây dựng nằm ở phía bắc sân trong hoàng thành. Đây là một kiến trúc có bình đồ hình chữ nhật, quay mặt về hướng đông và được xây bằng gạch to nung già. Chiều dài của công trình đo được 100 feet (khoảng hơn 30 mét) và rộng 35 feet (khoảng 10 mét). Bình đồ của kiến trúc này được chia thành 10 phòng, gồm một tiền sảnh ở chính giữa mặt phía đông, một hành lang dài chiếm toàn bộ nửa phía đông của công trình và tám phòng nhỏ hình vuông nằm về phía tây của hành lang. Tại những nơi mà dấu tích kiến trúc còn rõ, thì vẫn có thể thấy những mảng tường nhô cao khoảng 8 feet (gần 2,5 mét). Chỉ tiền sảnh ở chính giữa mặt tường phía đông của công trình là còn giữ được khá tốt. Cửa ra vào phía trong của tiền sảnh dẫn đến lối hành lang dài thông với các phòng nhỏ bằng những cửa ra vào của các phòng này. Toàn bộ kiến trúc được thông gió tốt bằng các khung cửa và cửa ra vào. Các cửa ra vào là cửa đơn có những bản lề sắt để móc vào các rầm cửa phía bắc và được mở vào bên

trong. Rầm cửa phía nam có chốt gỗ để đóng chốt bên trong. Theo các nhà nghiên cứu, cấu trúc của công trình này có thể so sánh với các tu viện Phật giáo ở Nagarjunakonda, thuộc bang Andhra, miền nam Ấn Độ. Do vậy, có thể xác định kiến trúc nhiều phòng này của Beikthano cũng là một tu viện Phật giáo. Ngoài ra, trong số những hiện vật được tìm thấy ở đây, có một con dấu đất nung tròn mang bốn chữ theo kiểu văn tự Brahmi thế kỷ II sau CN. Các chữ đó là các từ "samgha siri" (có thể là tên một người nào đấy). Một hình bằng đất đã bị vỡ thể hiện Kinnara cũng được tìm thấy.

Trong số những phế tích kiến trúc khác đã được khai quật ở Beikthano, có một công trình hình trụ khá đặc biệt: gồm hai vòng tường tròn đồng tâm và bốn cổng vuông nhô ra ở bốn hướng. Theo các nhà nghiên cứu, kiến trúc này của Beikthano giống với kiểu tháp Andhra ở Amaravati và Nagarjunakonda của Ấn Độ. Tại Beikthano, bốn cổng nhô ra rất lớn và không có cột bia ký; khối bệ và thân tháp hình tròn không có các hình trang trí như các nguyên mẫu Ấn Độ.

Một kiểu kiến trúc tôn giáo hoặc nghi lễ khác được phát hiện ở ba chỗ là một cấu trúc gồm một nền vuông cao và một công trình hình trụ, có thể được phủ lên ở phía trên bằng một vòm thấp hình bán cầu giống như các ngôi tháp ở Nagarjunakonda. Bình đồ hiện nay cho thấy có một bức tường vuông bao quanh khối tròn ở trung tâm. Khối hình trụ mọc lên từ mặt đất, trong khi đó thì khoảng trống xung quanh, bên trong bức tường hình vuông, được đập đầy bằng đất. Không có các phần nhô ra từ phần nền

của khối trung tâm, nhưng lại có bức tường vuông bảo vệ nhô ra ở một mặt. Xung quanh, ở bên ngoài và sát ngay công trình kiến trúc, đã phát hiện một số bình mai táng và xương cốt.

Tại một trong những công trình xây dựng mang tính nghi lễ, đã phát hiện ở bên ngoài các tường thành phía nam và phía bắc một bộ hài cốt và hai nhóm xương cốt. Xét về mặt địa tầng, rõ ràng các bình mai táng, các bộ và nhóm xương cốt là có cùng niên đại với khu di tích. Việc thiếu vắng các hiện vật tôn giáo ở đây và việc gắn kết rõ ràng của cấu trúc với các bình tùy táng và các bộ xương đã chắc chắn khẳng định tính chất lăng mộ của công trình kiến trúc này. Thế nhưng, dù sao thì ở Beikthano vẫn có những công trình kiểu tháp Phật của Nagarjunakonda. Không còn nghi ngờ gì, những hoạt động xây dựng của Beikthano chịu ảnh hưởng nhiều của những nhà xây dựng Phật giáo Ấn Độ ở Nagarjunakonda.

Hai công trình có bình đồ dài được phát hiện là những căn phòng có cột- một dạng kiến trúc của tu viện có nguồn gốc niên nam Ấn Độ. Tại đây, ở Beikthano, các cột là cột gỗ, các bình mai táng được tìm thấy ở ở bên trong và xung quanh bên ngoài nền nhà- những đặc trưng không hề có trong các kiến trúc cùng loại ở Ấn Độ.

Một trong những loại cổ vật rất đặc trưng của văn hóa Pyu ở Beikthano là những đồng tiền. Dù số lượng được phát hiện rất ít, nhưng có thể thấy các đồng tiền Pyu này có nét đặc trưng là không có chữ mà chỉ mang những hình ảnh biểu trưng gì đấy.

Thời gian hình thành và tồn tại của Beikthano được thể hiện rõ qua những di

tích và di vật mà khảo cổ học đã phát hiện và tìm thấy. Các kiểu và bình đồ kiến trúc, các kiểu dạng của đồ gốm và các bình mai táng, các chữ trên triện gốm, những hình tượng trưng cho sự thịnh vượng trên các mảnh gốm, sự vắng mặt các tượng Phật giáo... đã cho thấy Beikthano tồn tại trong khoảng thời gian từ thế kỷ I đến thế kỷ V. Trong khoảng thời gian này, người Pyu ở Beikthano đã có những hiểu biết về kỹ thuật xây nề. Họ dùng đất trộn với vỏ trấu để làm ra những viên gạch chắc, khỏe. Điều này chứng tỏ người Pyu làm nông nghiệp trồng lúa. Các hiện vật đào được cũng cho biết, ngoài làm nông nghiệp, một bộ phận người Pyu đã trở thành những người thợ gốm, thợ dệt, thợ kim hoàn... Thế nhưng, người Pyu ở Beikthano chưa có những thành tựu về điêu khắc tượng, chưa dùng văn tự và chưa biết đến các văn bản Phật giáo.

* *

*

Khu di tích quan trọng khác của nhà nước Pyu là thành Halin (hoặc Halingyi-Đại Halin) nằm ở một nơi ở Thượng Miến, cách Shwebo 11 dặm về phía đông nam. Và, cũng như Beikthano, chất cổ kính của Halin được thêu dệt bằng những truyền thuyết. Theo lời kể của các truyền thuyết, thì từ vài nghìn năm trước, một hoàng tử Ấn Độ, hậu duệ của Mahasamata, vị thủ lĩnh huyền thoại đầu tiên của Majjhimesa (tức Ấn Độ), đã đến tỵ nạn ở đây và đã lập ra Halin. Cũng các truyền thuyết nói rằng, vị vua thứ 799 là người Pyu. Thế nhưng, mọi dấu tích của lịch sử và văn hóa Pyu đã bị chôn vùi từ nhiều thế kỷ nay trong khu vực tòa thành cổ Halin.

Bề mặt của di tích Halin được phát lộ vào những năm 1904- 05 và một vài cuộc khai quật thám sát được triển khai vào những năm 1929- 30. Thế nhưng, những kết quả khảo cổ ban đầu này thật ít ỏi. Một trong những hiện vật được phát hiện sớm nhất là một phiến đá nhỏ có mang một số chữ Pyu cổ viết theo tự dạng Brahmi của Ấn Độ. Phiến đá được tìm thấy ở phía nam góc đông nam của tòa thành và đã được chuyển về Bảo tàng Pagan. Vào các năm 1929- 30, bia ký thứ hai khắc trên đá cát cứng được phát hiện cách không xa nơi phát hiện bia ký đầu tiên. Đây là bia ký gồm 8 dòng và hoàn toàn bằng chữ Pyu. Trong bia ký, tên của một người, có thể là nữ hoàng, được đọc ra là Jatrajiku. Bia ký thứ ba (không đọc được) nằm ở ô giữa của phiến đá có hai mảng phù điêu. Mảng phù điêu bên trên đã bị hư hại gần hết, chỉ còn nhận ra đây là một người ngồi với tay phải đặt lên đầu gối phải. Vì đầu và thân của hình người này đã mất, nên không thể xác định được người được thể hiện này là ai. Phía dưới là cả một mảng phù điêu thể hiện 50 người cầu khẩn ngồi xếp bằng thành ba hàng. Trong những người này, có người thì búi tóc lên trên đỉnh đầu, có người thì mang đồ đội đầu. Ngoài ra, không ít những đồ và hiện vật bằng kim loại như vàng, bạc, đồng... đã được tìm thấy. Trong số các hiện vật này, có những đồng tiền Pyu như những đồng tiền tìm thấy ở Srikshetra.

Những cuộc khai quật khảo cổ có hệ thống được tiến hành từ năm 1962 đến 1967 đã làm lộ rõ cả một phức thể văn hóa của thành cổ Halin. Bức tường thành bằng gạch hình chữ nhật với chiều dài 2 dặm (3.200 mét) và chiều rộng 1 dặm (1.600 mét). Như ở Beikthano và như

thành nội của Srikshetra, trục bình đồ mang tính phòng thủ của tòa thành Halin hơi nghiêng về phía tây. Các bức tường thành đã bị đổ nát và gần như bị san phẳng. Những dấu tích của hào nước được tìm thấy ở tất cả các mặt tường, trừ mặt tường phía nam. Phần lớn những địa điểm khai quật đều phát hiện ra những hiện vật và những phế tích bên dưới lớp đất hiện nay. Trong số 12 cổng ra vào vốn có từ trước của tòa thành, thì ba cổng đã được khai quật và nghiên cứu. Các bức tường thành uốn cong vào ở các cửa ra vào và, như vậy, đã tạo thành hai bức tường cánh gà chày song song lối đi dẫn vào trong thành. Nét đặc trưng này cũng như góc các tường thành uốn cong của Halin cũng chính là những nét riêng trong xây dựng thành của người Pyu mà ta đã thấy ở Beikthano.

Các kiểu dạng kiến trúc còn lại bên trong thành Halin cũng cho thấy sự song hành rất rõ của các kiến trúc ở đây với ở Beikthano. Kiểu tháp tròn không thấy có mặt. Những cấu trúc gồm những công trình hình vuông hay chữ nhật nằm ở một bên của một số cổng thành đã được tìm thấy. Các bình mai táng bằng đất được chôn cất cả ở trong và ở ngoài các công trình kiến trúc trên. Tại hố đào số 9, đã phát hiện ra những bức tường gạch của một phòng rộng hình chữ nhật mà trước kia có bộ mái bên trên được đỡ bởi 84 chiếc cột gỗ đứng thành bốn hàng song song với nhau. Do nằm ngay bên cạnh một công trình thường được gọi là hoàng cung, nên cấu trúc nhà cột này có thể có chức năng như phòng thiết triều giống như khu phế tích số 9 ở Bekthano.

Vào năm 1964, một phiến đá to có bia

ký đã được phát hiện ở một chỗ cách hoàng cung chừng 400 mét về phía bắc. Bia ký có 6 dòng rưỡi chữ Pyu viết theo kiểu chữ Nam Ấn thế kỷ VIII- IX. Mỗi dòng chữ đều có chiều cao khoảng 13 cm và có đan cài giữa các dòng một số chữ Brahmi. Bia ký mở đầu bằng lời chào "Siddam" và một trong những tên riêng là Sri Trivigrama và Varmar được nhắc tới ba lần. Dù rằng, cho đến nay, nội dung của bia ký chưa đọc được, nhưng sự kiện mà bia ký ghi lại chắc hẳn có liên quan với vương triều Vikrama hay các Varman của Srikshetra. Bia ký này cũng như một bia ký khác chưa đọc được cũng bằng chữ Pyu đều được phát hiện tại nơi có các phiến đá chạm khắc.

Dù rằng tượng Phật và các miếngthờ bằng đất nung (thường mang hình đức Phật) hoàn toàn vắng mặt tại đây, thế nhưng đã phát hiện thấy không ít những mảnh và những hạt bằng đá quý được làm rất khéo và giống với của Srikshetra. Một vài chiếc nhẫn vàng, hai chiếc hoa tai vàng, hai hạt bằng vàng (một tròn và một hình chiếc thùng)... đã được tìm thấy ở trong các cấu trúc nghi lễ khác nhau. Những chiếc đinh sắt, những lưỡi dao, các đầu mũi tên và các hóc của được phát hiện rất nhiều. Đặc biệt lý thú là, trong số những đồ sắt tìm thấy bên ngoài các cổng ra vào, có những dấu tích của các chông sắt có bốn đầu nhọn dùng để ngăn cản bộ binh và kỵ binh tấn công vào thành. Trong số những đồ vật thường sử dụng, có ba chiếc gương đồng mang những chiếc mộng dài để cắm vào các tay cầm bằng gỗ, ngà voi hoặc các chất liệu khác. Những chiếc gương này đã bị ô xy hóa làm hư hại nhiều. Trong số những đồng tiền mang

tính biểu tượng đã được phát hiện ở Halin, thì kiểu có mang hình mặt trời chiếu sáng là phổ biến. Một dạng tiền có hình tù và ốc bên trong biểu tượng Srivatsa cũng được tìm thấy. Kiểu tiền này rất hiếm và chỉ tìm thấy rất ít ở Srikshetra.

Một trong những hiện vật quý và có giá trị xác định niên đại cho Halin là viên mã não nhỏ, dẹt, hình ovan có mang một chữ Daya-danam theo kiểu văn tự Nam Ấn thế kỷ V. Ngoài ra, phương pháp các bon phóng xạ đã xác định niên đại thứ 6 cho những chiếc cửa gỗ của phòng thiết triều.

Như vậy là, từ các di tích và hiện vật đã được phát hiện, có thể thấy, như Beikthanno, Halin là một đô thị mang sắc thái văn hóa Pyu rõ nét. Thế nhưng, ở đây không có các stupa tròn các hình bằng đá lớn và các tượng bằng kim loại như đã được phát hiện ở Srikshetra.

* *
*

Srikshetra (tiếng Miến: Thayekhittaya), một trong những kinh đô cổ của người Pyu ở Mianma nằm bên bờ tả ngạn sông Irawadi, cách thành Prome 5 dặm về phía đông nam và cách Rangoon 180 dặm về phía tây bắc. Truyền thuyết nói rằng, đô thành này được xây dựng thời trị vì của Duttabaung, vào năm 101 Phật lịch, nghĩa là từ hơn hai ngàn bốn trăm năm trước đây. Các nguồn sử liệu địa phương cho biết, truyền thuyết kể rằng, đô thành này do Sakra, chúa tể của các thần xây dựng cho vua Duttabaung. Giúp Sakra trong việc xây dựng, có Gavampati, Rishi, Naga, Garuda, Candi và Parameswar. Sau khi lên ngôi trị vì ở Srikshetra, vua Duttabaung đã cưới công

chúa Panhtwar của Beikthano làm vợ. Nàng công chúa này đã đẩy lui một vài lần xâm lược của Duttabaung. Thế nhưng, cuối cùng vua Srkshetra đã đánh bại, chiếm được Beithano và lấy được nàng công chúa làm vợ. Các sử liệu cũng cho biết về những thời trị vì của các vị vua không có thực sau thời Duttabaung cũng như về sự sụp đổ của Srikshetra sau khoảng năm trăm năm tồn tại. Thế nhưng, các tài liệu khảo cổ học được phát hiện qua các cuộc khai quật từ năm 1907 và đặc biệt là từ năm 1964 trở lại đây, chỉ cho biết, đô thị Srikshetra phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỷ V đến thế kỷ IX.

Tòa thành Srikshetra có bình đồ gần tròn với chu vi dài 8,5 dặm, có tường xây bằng gạch nung lớn bao quanh. Tại một số chỗ, bức tường gạch vững chắc còn cao tới 15 feet (khoảng 4,5 mét). Như Beikthano, mỗi cổng thành ở đây đều được xây uốn cong vào để tạo ra một lối đi phòng thủ dài chạy vào trong thành. Trung tâm đô thành, nơi có hoàng cung, là một khu có tường bao quanh rộng 1.700 feet x 1.125 feet (415 m x 340 m). Thế nhưng, giờ đây, khu vực này đã bị cây cỏ phủ kín. Cả nửa phía bắc của tòa thành, do thấp, nên đã biến thành những thửa ruộng trồng lúa. Trong khi đó, nửa phía nam, do ở chỗ cao, nên có độ dốc cao dẫn về phía dãy đồi phía nam.

Hầu hết những phế tích cổ nằm ở nửa phía nam thành, còn các di tích mai táng thì nằm rải rác khắp nơi. Trong số những công trình nổi bật và dễ thấy nhất là ba ngôi tháp Bawbawgyi, Payaygi và Payama nằm ở phía nam, về phía tây bắc và bắc bên ngoài của tường thành. Tháp

Bawbawgyi cao 153 feet (46 mét) là một kiến trúc gồm khối hình trụ đứng trên một nền thấp năm bậc hình tròn, trong đó hai bậc dưới cùng đã bị chìm trong đồng đồ nát. Thân tháp hình trụ có phần đỉnh hình nón mang một cái chóp (hình lõng ô) hiện đại. Tháp Bawbawgyi có hình dáng và cấu trúc của kiểu tháp hình vòm bán cầu của Ấn Độ (Sanchi và Amaravati). Thế như tháp Bawbawgyi không phải là một khối đặc mà khoảng hai phần ba phía dưới của khối hình trụ là rỗng và có cửa ra vào. Pâygyi và Payama có cấu trúc và hình dáng rất giống Bawbawgyi. Hầu như vắng mặt những đường gờ và những mô típ trang trí kiến trúc ở những ngôi tháp Phật giáo này của người Pyu. Thế nhưng, những miếng đất mang tính thờ tự và các dấu tích văn tự được tìm thấy ở Bawbawgyi đều mang niên đại thế kỷ VI-VII.

Trong số những kiểu điện thờ rỗng lòng hiện hữu ở Srikshetra, thì đền Bebe và đền Lemyethna là những kiến trúc mang những sắc thái Pyu rõ nét nhất, mặc dù chúng chỉ là những công trình không lớn. Đền Bebe (5m x 5m) có một gian thờ hình vuông nhỏ bên trong và một cửa vòm ra vào ở phía đông. Bên trên của khối vuông gian thờ bên dưới, nhô lên ba bậc hồi lang đồng tâm và một tháp nhọn tròn hình trụ tròn đầu. Một phiến đá có chạm khắc hình đức Phật ngồi cùng với một môn đệ được gắn vào bức tường phía tây. Còn các bức tường bên thì có các cột trụ ộp và các cửa vòm giả ở mặt ngoài và các khám mái vòm ở bên trong. Kiến trúc này trở thành nguyên mẫu cho các ngôi chùa Pagan thời kỳ đầu. Đền Lemyethna với bốn cửa ra vào chứ không phải một như của Bebe và cũng là một kiến trúc nhỏ (mỗi chiều rộng

gần 7 m). Khác Bebe, đền thờ Lemyethna có một khối trụ vuông ở trung tâm với bốn cạnh nhìn thẳng ra bốn cửa. Trước đây, mỗi mặt tường của trụ vuông có một phiến đá mang hình đức Phật ngồi (hiện nay, hình Phật ở mặt đông đã mất). Cấu trúc bên trên của ngôi đền là một bộ mái gồm ba lớp đồng tâm và một tháp nhọn (đã không còn).

Bên trong thành, xung quanh khu hoàng cung, hiện vẫn còn một số công trình kiến trúc tôn giáo thuộc các kiểu dáng khác nhau. Đền Zegu Đông có kích thước lớn hơn Bebe một chút và có phần cửa vòm nhô ra lớn ở các cửa giả và cửa phía đông. Thế nhưng, phần cấu trúc bên trên của ngôi đền đã mất. Trước đây, ngôi đền có một phiến đá chạm khắc hình đức Phật. Còn ngôi đền thờ Payataung là một công trình kiến trúc hình vuông lớn được phủ lên bên trên bằng một stupa có nền vuông rộng 1,20 mét. Mặc dầu cũng có các cột ộp và các hình vòm trang trí ở tất cả các mặt, nhưng Payataung là một khối kiến trúc đặc. Ngoài những công trình kiến trúc hiện còn, khảo cổ học đã tìm thấy dấu tích đồ nát của nhiều công trình xây dựng khác. Thế nhưng, do bị mất cả những nền móng gốc, nên khó có thể phục dựng được hình dáng và chức năng của các phế tích này.

Những cuộc khảo cứu và khai quật ở Srikshetra đã phát hiện và tìm thấy nhiều hiện vật quý giá. Trong số những phát hiện đó, có năm hiện vật điêu khắc đá mang nội dung Phật giáo và Hindu giáo. Những hình đức Phật thường được khắc thành các phù điêu lên các phiến đá lớn. Đáng tiếc là phần lớn các tác phẩm này đều đã bị hư hại nhiều từ trước khi

được phát hiện và bảo vệ. Một phiến đá tìm thấy năm 1906 ở gần ngôi đền Bawbawgyi có mang hình đức Phật ngồi xếp bằng trên một chiếc bệ thấp với hai bàn tay đặt trước bụng trong tư thế thiền định. Cái bát đặt ở lòng hai bàn tay. Hai đầu Macara và các vòng hào quang trang trí phải sau đức Phật. Hai bên đức Phật, có hai môn đệ ngồi. Thế nhưng, hình bên trái đã bị hư hại.

Bức phù điêu của đền Zegu Đông thể hiện cảnh lần đầu thuyết pháp. Trong bức phù điêu này, đức Phật ngồi xếp bằng (chân phải đặt lên chân trái) trên chiếc ngai thấp với tay phải (đã mất) giơ lên và tay trái đặt lên đầu gối trái. Hai bên đức Phật có hai hình người đứng với mái tóc được vấn cao đang cầm một vật như chiếc quạt. Phần bên dưới mang hình biểu tượng cakra có hình con hươu và hai người ngồi chấp tay.

Trong số những hiện vật tìm thấy ở Shwenyaungbinyo, có một phiến đá nhỏ (cao 5cm) mang hình phù điêu thể hiện cảnh dẫn sinh. Trong bức phù điêu, hoàng hậu Maya đứng ở giữa với tay phải giơ lên cầm cành cây, còn cánh tay trái thì chòng lên vai người em gái Mahapajapati đang đứng đỡ cho người chị ở bên trái; đức Phật được thể hiện đứng thẳng ở bên phải, ngay dưới nách đức mẹ Maya. Hoàng hậu Maya và người em gái được thể hiện sống động trong tư thế tam khúc (tribhanga) của nghệ thuật Ấn Độ. Một phiến đá khác thể hiện cảnh đức Phật khuất phục con voi Nalagiri. Còn một tác phẩm điêu khắc đá lý thú nữa lại thể hiện cảnh đức Phật thuyết pháp lần đầu trong vườn Lộc Uyển. Những hình phù điêu trên còn mang những ảnh hưởng của nghệ

thuật Gupta, thế nhưng, các nhân vật đã mang những nét nhân chủng Môngoloid khá rõ.

Trong các cuộc khai quật năm 1927- 28, đã phát hiện một tác phẩm điêu khắc tuyệt vời thể hiện cảnh Dhammacakra (chuyển pháp luân). Mảng trên cùng được chia tách ra bởi hình đỉnh tháp sikhara che phía trên đầu nhân vật trung tâm thành hai nửa theo chiều dọc. Mỗi phần bị chia này đều có hai hình người đứng, người đứng bên trong là Phật, còn người đứng bên ngoài (qua hai khuôn mặt thấy được) là Mahabrahma. Trong mảng trung tâm, chiếm vị trí chủ đạo là hình đức Phật ngồi xếp bằng trên đài sen. Hai bên đức Phật là hai nhân vật mặc y phục nhà sư ngồi trên đài sen, trong ô vòm nhỏ, với hai tay đưa lên cung kính. Mảng phía dưới thể hiện bánh xe pháp luân cùng hai con hươu nằm và cùng hướng đầu về phía bánh xe ở giữa. Ngoài hai con hươu, ở hai bên bánh xe pháp luân còn có hình thần Brahmaba đầu đang quỳ. Phía dưới các hình hươu, có hình hai người cầu khẩn đang quỳ và đang cầm một vật gì đó. Bức phù điêu này có niên đại thế kỷ IX và hiện được trưng bày ở Bảo tàng quốc gia Rangoon.

Vào năm 1965, trong cuộc khai quật công thành Shwedaga, đã phát hiện một bức phù điêu thể hiện một nữ thần của Phật giáo Đại thừa. Bức phù điêu (đã bị vỡ thành hai mảnh) cao gần 2 mét thể hiện một nữ thần ngồi trên hai chân gập vào với khuôn mặt và phần trên cơ thể hướng thẳng, còn phần thân mình phía dưới thì thể hiện nghiêng. Tay trái của nữ thần cầm một cái gì đó như mũi giáo giơ lên, trong khi đó thì tay phải lại buông xuống lên đùi. Hai bên nữ thần, có những nhân

vật đang cung kính quỳ ở hai bên. Hàng dưới cùng là hình sáu nữ quỳ đang nhe nanh và đang quỳ.

Một hình điêu khắc đặc biệt, có thể là hình dvarapala, được phát hiện ở bên trong khu hoàng cung. Đây là một người to lớn đứng lên trên mình con cá sấu, với tay trái giơ lên ngang đầu và tay phải đặt lên đùi phải. Đặc biệt là đồ đội của nhân vật này có hình giống con chim xòe cánh.

Rõ ràng là, ở Srikshestra, Brahmanisme (Bà La Môn giáo) đã cùng song song tồn tại và phát triển bên cạnh đạo Phật. Một số những hiện vật phát hiện được là những biểu hiện của dòng Visnu. Một phiến đá cát có chứa một hình phù điêu nổi thể hiện thần Visnu đứng cùng với người vợ là Lakshmi đứng ở bên phải. Tại cánh đồng bên cạnh gò Kalagankon, đã phát hiện thấy hai phiến đá có hình điêu khắc. Một phiến đá (sa thạch) thể hiện thần Visnu bốn tay đứng trên hình Garuda đã bị vỡ. Phiến đá sa thạch kia thể hiện Visnu nằm trên rắn Ananta. Ba đoá sen nhô lên từ rốn thần Visnu. Trên mỗi đoá sen, đều có hình một vị thần đang ngồi: Brahma, Visnu và Siva.

Rất nhiều tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng vàng, bạc và đồng đã được các nhà khảo cổ học phát hiện. Trong số các đồ vật tìm thấy ở hộp thánh tích trên đồi Khin Ba, có một chiếc rương bạc mạ vàng hình trụ. Chiếc hộp mang hình rập nổi thể hiện bốn vị Phật cuối cùng của chu trình thế giới hiện tại đang ngồi đưa tay làm động tác lấy đất chứng giám. Giữa các vị Phật, là hình rập nổi bốn môn đệ đang đứng. Các hình Phật được thể hiện theo tinh thần của phong cách Gupta rất rõ. Thân cây và nhô lên từ giữa nắp hộp phẳng.

Xung quanh mép trên của vành hộp, là một dòng chữ Pyu- Pali ghi tên các vị Phật: Gautama, Konagamana, Kakusandha và Kassapa.

Rất đẹp là những hiện vật bằng đồng liên tục được phát hiện ở Srikshetra. Đó là tượng Avalokitesvara bốn tay được tìm thấy ở gần tháp Bawbawgyi vào mùa khai quật năm 1911-12. Vị Bồ Tát đứng trong tư thế tam khúc rất đẹp, nhưng thật đáng tiếc là hai bàn chân đã bị mất, hai tay trái (từ khuỷu trở lên) đã gãy. Còn lại, hai tay phải của Bồ Tát làm độn tác trấn an và cầm phát trần. Bồ Tát đeo vòng cổ, vòng tay và một thắt lưng buông trễ xuống đùi phải và buộc túm lại ở phía trên đùi trái. Trên mái tóc của Bồ Tát, có hình Phật Amitabha.

Có lẽ, lý thú và cũng đặc biệt nhất là những tượng nhạc công bằng đồng được phát hiện vào mùa khai quật năm 1966-67 tại một gò đất gần tháp Payama. Các tượng tuy nhỏ (cao chừng 12 cm), nhưng lại thể hiện các nhạc công khác nhau: người thổi sáo, người đánh trống, một chơi chũm chọe và người thứ tư thì đang múa. Cả bốn nhân vật đều được thể hiện theo một cách thức: đầu quá to so với thân thể, thế nhưng phần thân lại có tỷ lệ rất cân đối, tư thế và động tác hiện thực và sống động.

Ngoài ra, các đợt khai quật còn phát hiện ra rất nhiều những hiện vật quý hiếm khác, như năm hình Phật bằng đồng, chiếc chuông đồng, những chiếc đĩa vàng có chữ cổ, những chiếc lá vàng có văn tự, những bình gốm mai táng...(2)

* *

*

Như vậy là, những phát lộ và những phát hiện về kiến trúc, điêu khắc, văn tự và các đồ vật dụng ở Srikshetra đã cho thấy những khía cạnh văn hoá, tôn giáo của người Pyu. Thế nhưng, rất tiếc là, các dấu tích và hiện vật khảo cổ mang tính vật chất này lại không được minh chứng bằng các tài liệu thành văn. Do vậy, chúng ta không biết được một cách tương đối chắc chắn rằng đô thị phồn vinh Srikshetra này vì sao và khi nào thì bị suy tàn.

Trên cơ sở nghiên cứu các bản khắc trên các bình mai táng, C.O.Blagden đã giải mã ra triều đại Vikrama trị vì ở Srikshetra có thể từ năm 673 đến 718 với ba vị vua được nhắc đến là: 1. Suryavikrama (mất năm 688, thọ 64 tuổi); 2. Harivikrama (mất năm 695, thọ 41 tuổi) và 3. Sihavikrama (mất năm 718, thọ 44 tuổi)⁽³⁾. Ngoài ra, ở những bản khắc không có niên đại, người ta còn thấy những cái tên: Prabhavarman và Jayachandrarman. Xét theo âm cuối, các nhà nghiên cứu cho rằng, có thể hai vị vua trên thuộc triều đại Varman khác hẳn triều đại Vikrama. Thế nhưng, các nhà nghiên cứu lại đọc được một bia ký chữ Phạn khắc trên bệ một tượng Phật có nói rằng Jayachandrarman là người anh cả của Harivikrama, và, để chấm dứt cuộc tranh chấp giữa hai anh em, người thầy tinh thần của họ đã cho xây dựng hai thành phố song sinh để họ ở cách biệt nhau ra. Trong khi đó thì, Giám đốc Cục khảo cổ Liên bang Mianma lại khẳng định, các thử nghiệm cacbon ở ba thành phố Pyu là Beikthano, Halin và Srikshetra cho thấy các thành phố này đã tồn tại ngay từ đầu thế kỷ I sau CN⁽⁴⁾.

Dù rằng, cho đến nay, về sự hình

thành, tồn tại và hưng thịnh của nhà nước Pyu, còn nhiều vấn đề chưa được rõ, thì về sự suy vong của nhà nước này lại được các sử liệu Trung Quốc cho biết khá rõ. Theo các tài liệu Trung Quốc, vào nửa đầu thế kỷ VIII, sự hình thành của nhà nước Nam Chiếu ở vùng Vân Nam Trung Quốc đã gây cho vương quốc Pyu những hậu quả nghiêm trọng. Để chống lại triều đình Trung Quốc, vua thứ hai của Nam Chiếu là Ko-lo-fong, vào những năm 757 và 763, đã tiến hành chinh phục vùng thung lũng thượng nguồn sông Irawadi. Thế rồi, việc Nam Chiếu thần phục Trung Hoa vào năm 791 đã dẫn đến việc thiết lập những mối quan hệ theo đường bộ giữa Trung Quốc và vương quốc Pyu. Theo các tài liệu Trung Quốc, năm 800, I-mou-hsun, cháu trai và là người kế vị của Ko-lo-fong, đã tặng triều đình nhà Đường các nhạc công Pyu. Rồi thì, vào năm 801- 802, nhà vua Yung-kiang, hiệu là Kun-mo-chang, đã cử sang Trung Quốc một sứ bộ do người em (hoặc người con) của ông là Sunandanab dẫn đầu cùng 35 nhạc công. Năm 807, có một sứ bộ khác của Pyu đã sang triều đình Trung Quốc. Chính nhờ có các sứ bộ này mà người Trung Quốc mới có được những ghi chép trong Đường thư về vương quốc Pyu mà chúng tôi đã dẫn ở trên. Các tài liệu Trung Quốc còn cho biết, vào năm 832, thủ đô của Pyu (không biết là thủ đô nào, Srikshetra hay Halin hay một thành phố cùng thời nào khác ở phía bắc) bị “bọn Man tặc” (Nam Chiếu) tàn phá và 3.000 người Pyu ở kinh đô đã bị dời đi để bổ sung cho dân số kinh thành phía đông của Nam Chiếu⁽⁵⁾. Có thể nhà nước Pyu bắt đầu suy vong từ thời điểm này. Dù thế nào đi nữa, thì rõ ràng là, Srikshetra đã bắt đầu suy tàn vào đầu thế kỷ IX, khi mà người Pyu

dần dần phải lui bước trước những người Miến, những người sẽ lập ra một nhà nước Mianma thống nhất vào thế kỷ XI.

Dù rằng nhiều vấn đề liên quan đến lịch sử và văn hóa của nhà nước Pyu còn chưa thật rõ và chưa được các nhà khoa học thống nhất, thế nhưng, các tài liệu, đặc biệt là những di tích và di vật khảo cổ học, đã khẳng định về sự tồn tại một quốc gia cổ chịu ảnh hưởng nhiều của văn hóa Ấn Độ của người Pyu ở Mianma trong nửa thứ hai của thiên niên kỷ thứ nhất sau CN. Chính vương quốc cổ này của người Pyu đã viết lên những trang sử đầu tiên cho cuốn sách lịch sử của đất nước Mianma. Ngoài ra, những gì mà vương quốc cổ Pyu để lại đã trở thành những tài sản vô giá ban đầu cho các nhà nước của người Mianma sau đó kế thừa và phát triển./

CHÚ THÍCH

1. Dẫn theo: Lương Ninh (chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb.Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr.70.
2. Về những di tích và di vật của vương quốc Pyu, chúng tôi tổng hợp từ cuốn sách của nhà khoa học Mianma Aung Thaw “*Historical sites in Burma*”, Sarpay Beikman Press, 1978.
3. Dẫn theo: G.Coedes, *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, (bản dịch tiếng Việt), Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr.166.
4. Dẫn theo: D.G.E.Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, (bản dịch tiếng Việt), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.227.
5. Dẫn theo: D.G.E.Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, (bản dịch tiếng Việt), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.229.